

# Nghiên cứu hành vi sử dụng tài nguyên nước của học sinh Trường Trung học phổ thông Giao Thủy B, tỉnh Nam Định

Nguyễn Thị Thanh Hải\*, Cao Văn Lưu\*, Cao Danh Cường\*\*, Phạm Văn Thanh\*\*

\*Giáo viên trường THPT Giao Thủy B, \*\*HS trường THPT Giao Thủy B, Tỉnh Nam Định

Received: 27/11/2023; Accepted: 3/12/2023; Published: 8/12/2023

**Abstract:** Climate change, uneven distribution of surface water, increased pollution, and rapid population growth in recent years... are the main causes of serious freshwater shortages and negative impacts on the environment in Vietnam. Male. However, people's awareness, especially young people (students), is still limited. The research objective is to clarify high school students' awareness of water resource use issues. Research on social survey through questionnaire for 1,568 students at Giao Thuy B High School, Nam Dinh province

**Keywords:** Water resources; usage behavior; students, high school

## 1. Đặt vấn đề

Nước là nguồn tài nguyên tái tạo nhưng trên thế giới không phải là vô hạn và đang đứng trước nguy cơ suy thoái, cạn kiệt do các hoạt động khai thác quá mức của con người. Do tác động của biến đổi khí hậu gây lên sự thay đổi dòng chảy của các lưu vực sông làm cho lũ lụt và hạn hán ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn. Tài nguyên nước của Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức: Tỷ lệ đóng góp nguồn nước từ ngoài biên giới quốc gia chiếm tỉ lệ lớn; Nước mặt phân bố không đều theo không gian và thời gian; Vấn đề ô nhiễm nước mặt ngày càng trở nên nghiêm trọng; Lượng nước bình quân đầu người giảm do dân số tăng: Trong thế giới hiện nay, khi dân số thế giới đang khoảng 8 tỷ người và chỉ trong vòng khoảng 10 năm nữa là 9 tỷ người, kinh tế thế giới đang trong thời kỳ phát triển vô cùng mạnh mẽ, nhu cầu nước cho con người, cho kinh tế, cho môi trường ngày càng lớn. Trong khi lượng nước ngọt được sinh ra trên hành tinh không thay đổi. lượng nước bình quân đầu người đã giảm khá nhanh từ 12.800 m<sup>3</sup> vào năm 1990, còn 9.700 m<sup>3</sup> năm 2010, 9.000 m<sup>3</sup> năm 2015 và đến năm 2025 dân số đạt gần 100 triệu người thì lượng nước bình quân đầu người của nước ta chỉ còn khoảng 8.300 m<sup>3</sup>/người. Trước những thách thức trên của tài nguyên nước, việc nghiên cứu hành vi sử dụng nước và tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước là rất cần thiết. Đặc biệt là các bạn HS, thế hệ tương lai của đất nước.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

**Phương pháp điều tra khảo sát:** Nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin bằng phiếu khảo sát các HS tại trường Trung học phổ thông (THPT) Giao Thủy B, tỉnh Nam Định. Số lượng phiếu khảo

sát là 1.568 phiếu bao gồm các thông tin cá nhân của người được khảo sát, các câu hỏi liên quan sự hiểu về tài nguyên nước, các câu hỏi liên quan đến hành vi sử dụng tài nguyên nước, và các câu hỏi liên quan đến sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước.

**Phương pháp thống kê, phân tích:** Kết quả khảo sát được thu thập, tổng hợp phân tích và xử lý đánh giá bằng phần mềm Microsoft Excel.

### 2.2. Kết quả và thảo luận

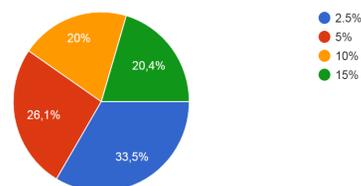
#### 2.2.1. Đặc điểm của đối tượng khảo sát.

Kết quả thống kê khảo sát 1.568 HS trường THPT Giao Thủy B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định về thông tin của người phỏng vấn cho thấy sự tương đồng về đặc điểm giới tính, độ tuổi. Xét về độ tuổi từ 15 đến 17 tuổi, với tỉ lệ giới tính 59% nữ và 41% nam, những người được khảo sát đều là HS THPT.

Nhận thức của đối tượng khảo sát về tài nguyên nước

Kết quả khảo sát cho thấy với câu hỏi thứ nhất: “Theo bạn trữ lượng nước ngọt chiếm bao nhiêu % tổng lượng nước trên Trái Đất?” Chỉ khoảng 1/3 (33,3%) HS chọn phương án đúng là 2,5%, còn lại (66,7%) chọn các đáp án còn lại: 5%, 10% và 15%. Điều này cho thấy phần lớn trong nhóm đối tượng được khảo sát chưa thực sự quan tâm, tìm hiểu những kiến thức cơ bản về tài nguyên nước.

Câu 1: Theo bạn trữ lượng nước ngọt chiếm bao nhiêu % tổng lượng nước trên trái đất?

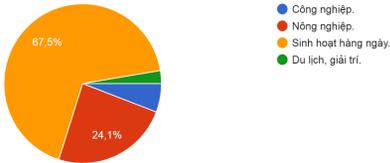


Hầu hết HS (67,5%) chọn đáp án “Sinh hoạt hàng

ngày” cho câu hỏi: “Khi hạn hán xảy ra, nhu cầu sử dụng tài nguyên nước nào được sử dụng đầu tiên?” Còn lại (32,5%) lựa chọn các mục đích khác: Công nghiệp (24,2%), Nông nghiệp và Du lịch, giải trí. Kết quả cho thấy nước có vai trò quan trọng trong cuộc sống của nhóm đối tượng, đặc biệt là sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Từ đó có thể nói rằng, tài nguyên nước gắn liền với đời sống và có ý nghĩa rất quan trọng với con người nói chung.

Câu 2: Khi hạn hán xảy ra nhu cầu sử dụng nước nào được ưu tiên đầu tiên?

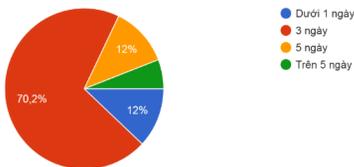
1.568 câu trả lời



Với câu hỏi: “Bạn có thể sống sót được bao lâu khi không có nước?” Đa phần (70,5%) chọn phương án đúng: “3 ngày”, 29,5% (tức 446 người) chọn: Dưới 1 ngày, 5 ngày và 10 ngày. Kết quả cho thấy vẫn còn một số lượng không nhỏ HS vẫn chưa hiểu được vai trò của nước với sự sống của con người.

Câu 3: Bạn có thể sống sót được bao lâu khi không có nước?

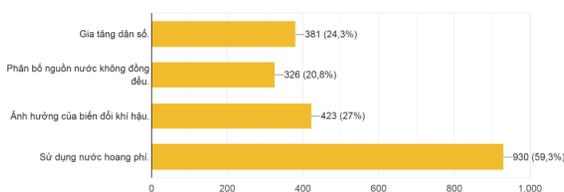
1.568 câu trả lời



Qua câu hỏi về nguyên nhân gây ra cạn kiệt tài nguyên nước, kết quả cho thấy phần lớn nhóm đối tượng nhận biết được nguyên nhân làm cho nguồn nước bị suy giảm là do tác nhân đến từ chính con người, do sự hoang phí trong cách sử dụng nước.

Câu 4: Theo bạn đâu là nguyên nhân gây khan hiếm nước?

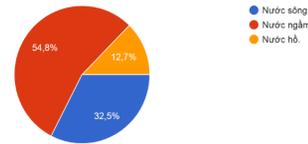
1.568 câu trả lời



Nhưng gần một nửa đối tượng trong cuộc khảo sát (46,6%) cho rằng: Nước sông và nước hồ có tỷ lệ lớn nhất trong khi nước ngầm là loại nước có tỷ lệ lớn nhất (30% lượng nước ngọt, 68% là sông băng và băng). Giống với câu hỏi 1, kết quả này cho thấy nhóm đối tượng nói riêng và tất cả chúng ta nói chung vẫn thờ ơ, không tìm hiểu các kiến thức cơ bản về tài nguyên nước.

Câu 5: Trên trái đất, loại nước ngọt nào chiếm tỷ lệ lớn nhất trong các loại sau?

1.568 câu trả lời



Nhóm đối tượng nhận thức được tài nguyên nước không vô hạn, nguồn nước ngọt sử dụng được có thể lấy từ đâu. Chứng minh qua câu hỏi 6: “Tại sao nhiều người lại tin rằng nước ngọt là vô tận?” và câu hỏi 7: “Nguồn nước uống đến từ đâu?”

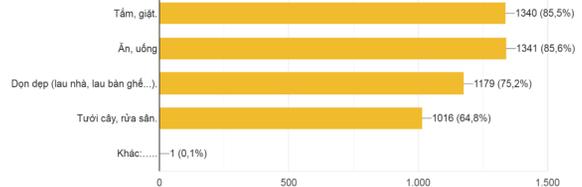
Các đối tượng hiểu nước không phải là nguồn tài nguyên vô tận tăng từ 77% ở lần thứ nhất lên 98,3% ở lần thứ hai.

### Hành Vi sử dụng nước

Nước được sử dụng trong rất nhiều những hoạt động sinh hoạt hằng ngày của nhóm đối tượng, phần lớn là Tắm giặt (85,6%), Ăn uống (85,4%), dọn dẹp (75,2%)... Điều này cho thấy nước gắn liền với đời sống, là một phần quan trọng không thể thiếu.

Câu 8: Bạn sử dụng nước với mục đích gì trong ngày? (có thể chọn nhiều câu trả lời)

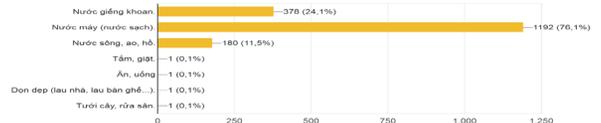
1.567 câu trả lời



Nguồn nước chính được sử dụng trong gia đình của các nhóm đối tượng là nước máy (76,4%), nước mưa 24,1% và nước ao, sông hồ là 11,5% ( câu hỏi chọn nhiều phương án).

Câu 9: Nguồn nước chính bạn đang sử dụng hằng ngày?

1.567 câu trả lời

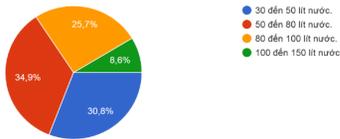


Nước mưa cũng là nguồn nước được các gia đình sử dụng 84,7%, 86,2% nhóm đối tượng có xây dựng, lắp đặt các bể, bồn nước mưa.

Ở khảo sát cho thấy có 8,5% nhóm đối tượng sử dụng trung bình từ 100-150L/ngày, 25,2% sử dụng từ 80-100L/ngày, 35,2% sử dụng từ 50-80L nước mỗi ngày. Điều này cho thấy đối tượng nghiên cứu sử dụng nước cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ bình quân trên đầu người (8.300m<sup>3</sup>/người/năm – theo thống kê Việt Nam 2023).

Câu 10: Bạn sử dụng trung bình khoảng bao nhiêu lít nước trong ngày?

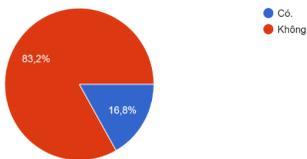
1.567 câu trả lời



Các gia đình của nhóm đối tượng hầu hết (74,2%) không sử dụng nước trong mục đích kinh doanh. Nước đóng chai cũng ít được sử dụng thường xuyên. Nước uống ở trường thường là nước bình (62,7%), nước từ nhà mang đi (23,7%).

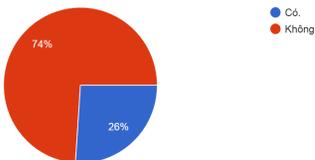
Câu 11: Gia đình bạn có sử dụng nước cho mục đích kinh doanh không?

1.567 câu trả lời



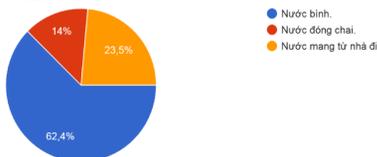
Câu 12: Bạn có thường xuyên sử dụng nước đóng chai hay không?

1.567 câu trả lời



Câu 13: Nước uống hàng ngày ở trường của bạn là gì?

1.567 câu trả lời



Số lượng các đối tượng được hỏi có tích trữ nước để sử dụng chỉ đạt 51,6%. Số lượng đối tượng sử dụng nước mưa sử dụng cho sinh hoạt cũng chỉ có 63,2%. Cho thấy đối với khu vực nông thôn, 80% gia đình thuần nông diện tích ở rộng, nhưng lại không tận dụng nguồn nước mưa, và tích trữ nước khi hạn hán, hoặc thiên tai, do khách quan mà mất nước sạch...

Chi phí chi trả cho việc sử dụng nước của nhóm đối tượng được khảo sát từ 100.000đ đến 250.000đ trở lên chiếm gần 70%, là mức chi phí cao đối với khu vực nông thôn, có nhiều ao, hồ, sông, ngòi...

Do thói quen sinh hoạt có 29,9% nhóm đối tượng rửa rau củ trực tiếp dưới vòi nước, những lượng nước nhỏ, nước sạch còn thừa như nước rửa rau, nước tráng bát... không được tái sử dụng, tỉ lệ đổ đi là 33%. Tỉ lệ HS không để ý tới vòi nước khi đang đánh răng khá cao 27,6%, tỉ lệ rửa bát trực tiếp dưới vòi nước là

45,5%; 36,7% đối tượng khảo sát cho rằng tắm bằng chậu và 17,5% cho rằng tắm bằng bồn tắm tiết kiệm nước ở phiếu khảo sát.

Hầu hết các gia đình (63,4%) ít khi kiểm tra hoặc không kiểm tra các đường ống nước, hệ thống nước trong gia đình, không kiểm soát được lượng nước bị rò rỉ... Cho thấy đa phần người dân khu vực nông thôn sử dụng nước rất lãng phí, không quan tâm tới các giải pháp tiết kiệm nước. Và đa phần đối tượng được hỏi trả lời không cần tiết kiệm nước vì nghĩ rằng nước là nguồn tài nguyên vô tận.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu đã điều tra xã hội học qua bảng hỏi với 1.568 HS trường THPT. Thực hiện nhằm đánh giá nhận thức của người dân về thực trạng sử dụng nước. Cho thấy kết quả: HS nhận thức được tầm quan trọng của nước và ảnh hưởng của môi trường, biến đổi khí hậu... đối với nguồn tài nguyên nước. Tuy nhiên HS chưa nhận thức được nguồn tài nguyên nước đang dần cạn kiệt do ô nhiễm môi trường, do dân số tăng nhanh...; Đa số đối tượng được hỏi trả lời bản thân và gia đình sử dụng nước cho sinh hoạt cá nhân, nhưng phần lớn HS – nhóm đối tượng được khảo sát chưa tìm hiểu, hiểu biết các kiến thức về tài nguyên nước, một phần có các hành vi lãng phí, không tiết kiệm nước, ý thức tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước chưa cao.

Nhằm nâng cao nhận thức của HS hướng tới hiểu rõ vai trò của tài nguyên nước trong đời sống hàng ngày, và trong tương lai, tác giả đề xuất hai giải pháp: 1) Tuyên truyền nâng cao nhận thức của HS THPT Giao Thủy B nói riêng, HS ở các đơn vị khác, người dân và nhất là đối tượng người nội trợ... 2) Đưa ra một số giải pháp về tiết kiệm nước nhằm kêu gọi mỗi HS, người dân... có ý thức chung tay cùng thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước.

### Tài liệu tham khảo

1. Trương Hồng Tiến, Nguyễn Đình Đạt, Phạm Tường, Vũ Minh Thiện, Nguyễn Huy Phương, Nguyễn Trung Quân (2022), Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số an ninh nguồn nước cho vùng châu thổ sông Mê Công. Tạp chí Khí tượng Thủy văn, trang 1-14, số 744, 2022.

2. Nguyễn Thị Bích Ngọc, Trần Văn Tình, Vũ Duy Hưng, Trần Thị Tú (2023), Đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Tạp chí Khí tượng Thủy văn, trang 28-41, số 751, 2023.

3. Trần Thanh Xuân (2012), Tài nguyên nước Việt Nam: những vấn đề định hướng nghiên cứu. Hội thảo khoa học lần thứ 15 nhân dịp 35 năm thành lập Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường.